TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2018/DS-ST
Ngày: 20/6/2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dương Thị Tú Phương.**
2. Ông **Huỳnh Lâm Tài.**

Thư ký Tòa án: Ông **Tạ Văn Cung -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà **Đoàn Vũ L** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2017/TLST – DS ngày 19 tháng 10 năm 2017, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2018/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 09/2018/QĐST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2018; Quyết định tiếp tục phiên tòa số: 02/2018/QĐST-DS ngày 03/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2018/QĐST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Phạm C T** - sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông **Phạm Th D** – sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị **Trương C L** - sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bà **Nguyễn Th Th** - sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày và yêu cầu: Anh T xác định anh T đã dùng tiền là tài sản chung của anh T với vợ anh là chị L cho ông D và vợ ông D là bà Th vay hai lần với tổng số tiền là 66.000.000đ. Để chứng minh cho trình bày và yêu cầu của mình, anh T đã cung cấp giấy mượn tiền và hai người làm chứng hiểu biết về việc ông D và bà Th có mượn tiền của vợ chồng anh T hai lần. Nay anh T yêu cầu ông D và bà Th trả cho vợ chồng anh T số tiền vay còn thiếu là 66.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất 5%/tháng tính từ ngày 19/8/2016 âm lịch đến khi kết thúc vụ án

* Bị đơn ông D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại Tòa án. Tại đơn xin vắng mặt phiên hòa giải ngày 10/11/2017 ông D có thể hiện ý kiến là ông D sẽ trả cho anh T số tiền 66.000.000đ khi có tiền.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị L thống nhất với trình bày và yêu cầu của anh T.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Th đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại Tòa án và cũng không có nộp văn bản thể hiện ý kiến của bà Th đối với vụ án.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa và có văn bản thể hiện là anh T yêu cầu ông D và bà Th trả cho anh T tiền nợ gốc là 66.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 10 tháng 9 năm 2016 âm lịch là ngày vay tiền lần sau đến ngày 20 tháng 6 năm 2018 và yêu cầu tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử và Thư ký tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vi phạm khoản 15 và 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng D sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Buộc ông D và bà Th trả cho anh T và chị L số tiền nợ gốc là 66.000.000đ và lãi suất tính từ ngày 10/9/2016 âm lịch (Nhằm ngày 10/10/2016 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là 15.097.500đ.

*** Các tình tiết của vụ án:**

- Anh T xác định vợ chồng ông D có vay của anh T và chị L số tiền 40.000.000đ vào ngày 19/8/2016 âm lịch và vay 26.000.000đ vào ngày 10/9/2016 âm lịch, thời gian vay tiền được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của ông D và bà Th.

- Ông D nộp đơn xin vắng mặt phiên hòa giải có thể hiện ý kiến là ông D đồng ý trả cho anh T và chị L số tiền 66.000.000đ khi nào ông D có tiền, không có ý kiến phản đối yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn.

- Bà Th không có nộp văn bản phản đối yêu cầu của anh T đối với ông D và bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án D sự: Anh T khởi kiện yêu cầu ông D trả tiền nợ vay, được Tòa án nhân D huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng D sự 2015.

[2] Anh T có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa, các đương sự còn lại đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng D sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh T:

3.1/ Đối với yêu cầu về số tiền nợ gốc: Anh T xác định ông D và bà Th có nợ anh T và chị L 66.000.000đ. Số tiền vừa nêu được vay trong hai lần: Vay 40.000.000đ vào ngày 19/8/2016 âm lịch và vay 26.000.000đ vào ngày 10/9/2016 âm lịch, thời gian vay tiền được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của ông D và bà Th. Tại đơn xin vắng mặt phiên tòa ngày 10 tháng 11 năm 2017 (Bút lục số 19) ông D thể hiện ý kiến đồng ý trả cho anh T 66.000.000đ. Việc đồng ý trả nợ của ông D được xem là tình tiết sự kiện không phải chứng minh như quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng D sự 2015, nên được Hội đồng xét xử lấy làm căn cứ để giải quyết vụ án.

3.2/ Đối với nghĩa vụ trả nợ: Ông D thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ sau khi có yêu cầu của anh T. Anh T yêu cầu ông D và vợ ông D cùng có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng anh T. Tòa án đã đưa vợ ông D là bà Nguyễn Th Th vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nhưng Tòa án không làm việc với ông D và bà Th vì ông D và bà Th thường xuyên vắng mặt tại

nhà. Tuy nhiên, theo xác nhận của Công an xã Phong Thạnh Tây A thì ông D và bà Th là vợ chồng sống chung tại ấp 8A, xã Phong Thạnh Tây A được 15 năm cho đến nay. Do ông D vay tiền trong thời kỳ hôn nhân của ông D và bà Th, ông D có văn bản thể hiện ý kiến đồng ý trả nợ cho anh T, nhưng vợ chồng ông D và bà Th không đến Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh T, cũng không có nộp văn bản nào thể hiện số tiền anh T yêu cầu là nợ chung của vợ chồng hay chỉ là nợ riêng của ông D. Từ đó cho thấy, việc ông D hứa trả nợ và việc ông D với bà Th không có ý kiến phản đối về yêu cầu trả nợ của anh T, đã chứng minh được đây là nợ chung của ông D và bà Th. Nên ông D và bà Th phải cùng có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của anh T.

3.3/ Đối với yêu cầu tính lãi suất của anh T:

- Ông D đồng ý trả nợ gốc cho anh T, nhưng không có bất cứ ý kiến phản đối nào về yêu cầu tính lãi suất của anh T, được xem là ông D mặc nhiên thừa nhận về yêu cầu tính lãi suất của anh T. Tại đơn khởi kiện anh T yêu cầu tính lãi suất từ ngày 19/8/2016 âm lịch, tại đơn xin vắng mặt ngày 20/6/2018 anh T yêu cầu tính lãi suất từ ngày 10/9/2016 âm lịch đến ngày 20/6/2018 và yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án, yêu cầu này của anh T là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Thời gian trả lãi suất là từ ngày 10/9/2016 âm lịch (Nhằm ngày 10/10/2016 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là 01 năm 08 tháng 10 ngày.

- Về mức lãi suất được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật D sự năm 2005 và Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký ban hành. Như vậy lãi suất trong vụ án này được tính là 9%/năm (0,75%/tháng) x 150% = 1,125%/tháng. Lãi suất tính là: (66.000.000đ x 1,125%/tháng) x 01 năm 8 tháng 10 ngày = 15.097.500đ. Ngoài ra ông D và bà Th còn phải chịu mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật D sự năm 2015.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, có đủ căn cứ buộc ông Phạm Th D và bà Nguyễn Th Th trả cho anh T và chị L số tiền nợ vay là 66.000.000đ và lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm là 15.097.500đ, ngoài ra ông D và bà Th còn phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật D sự năm 2015.

[6] Về án phí D sự có giá ngạch trong vụ án:

- Anh T và chị L không phải chịu án phí. Anh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp.

- Buộc ông D và bà Th phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là 4.054.000đ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân D có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm C T, buộc ông Phạm Th D và bà Nguyễn Th Th trả cho anh Phạm C T và chị Trương C L số tiền nợ vay là 66.000.000đ và lãi suất từ ngày 10/9/2016 âm lịch (Nhằm ngày 10/10/2016 dương lịch) đến ngày 20/6/2018 là 15.097.500đ.

2. Về án phí D sự có giá ngạch:

- Anh T và chị L không phải chịu án phí. Anh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 1.650.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số số 0010313 ngày 19/10/2017.

- Buộc ông D và bà Th phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là 4.054.000đ.

"*Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự*".

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận
- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Đang